TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2019/QĐST-HNGĐ	*Bá Thước, ngày 06 tháng 03 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2019/TLST/ HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa :

Nguyên đơn: Anh Trương Minh T ; Sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn S T , xã L T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L Sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Thôn S T , xã L T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trương Minh T và chị Nguyễn Thị L

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh Trương Minh T và chị Nguyễn Thị L đều tự nguyện, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trương Minh T và chị Nguyễn Thị L tự nguyện thỏa thuận. Khi ly hôn chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Nhật P

sinh ngày 28/08/2005 cho đến khi thành niên. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trương Minh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Anh Trương Minh T và chị Nguyễn Thị L chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Nợ chung : Không có.

-*Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Trương Minh T và chị Nguyễn Thị L tự nguyện thỏa thuận: Anh Trương Minh T toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Trương Minh T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0002822 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND;
- .....;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên